

# Tín ngưỡng phồn thực Việt Nam trong dòng chảy văn hoá Đông Nam Á qua các lễ hội nông nghiệp

VŨ ANH TÚ\*

**T**rong một không gian sinh tồn rộng lớn, cư dân Đông Nam Á cũng như dân tộc Việt Nam đã xây dựng cho mình một nền văn hoá riêng biệt vừa có tính chất khu biệt, vừa có nhiều nét mang tính tương đồng tạo nên một nền văn hoá đa dạng, phong phú. Trong đó tín ngưỡng là một bộ phận quan trọng thể hiện thức nhận về thế giới tâm linh của các cư dân Đông Nam Á. Các cư dân Đông Nam Á vẫn được biết đến như những chủ nhân đích thực của nền văn minh “lúa nước” – một nền văn minh độc đáo trong số 36 nền văn minh rực rỡ trên thế giới (Roland Breton- “Địa lý các nền văn minh”). Văn minh lúa nước đã ảnh hưởng trực tiếp và mãnh liệt đến lối sống, tư duy, tình cảm của những người dân Đông Nam Á nói chung, người dân Việt Nam nói riêng. Chính đời sống, nếp sinh hoạt của những cư dân làm nông nghiệp đặc thù đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tâm linh của họ. Và có thể nói, tín ngưỡng phồn thực chính là một phần trong các ý niệm tâm

linh đó. Đặc biệt, tín ngưỡng phồn thực mang một nét riêng biệt của văn hoá các cư dân nông nghiệp, mang khát vọng về cuộc sống sung túc, sự sinh sôi nảy nở, và nó sẽ trường tồn trong nền văn hoá của cư dân nông nghiệp nói chung cũng như văn hoá Đông Nam Á nói riêng. Tín ngưỡng phồn thực có mặt rất sớm trong cơ tầng văn hoá Đông Nam Á cổ đại nhưng có sự biến thiên khác nhau giữa các vùng, do sự ảnh hưởng của văn hoá Hán nhiều hay ít. Với người Việt Nam, dấu vết của tín ngưỡng phồn thực còn lại cho chúng ta thấy nó từng có mặt từ thời xa xưa. Qua biến thiên lịch sử, dấu bể cuộc đời, tín ngưỡng phồn thực trở thành một thứ trầm tích văn hoá trong văn hoá Việt Nam.

## 1. Tín ngưỡng phồn thực ở Đông Nam Á và Việt Nam

Một trong những cội rễ xưa nhất, đồng thời độc lập với các tín ngưỡng và lễ nghi tôn giáo khác, gắn liền với thời kỳ nguyên thủy và với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

\* Ths. Vũ Anh Tú, Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

là tín ngưỡng nông nghiệp với nghi lễ phần thực điển hình. Các nghi lễ thờ cúng thần nông nghiệp, các ma thuật phục vụ mùa màng, các hình thức khác nhau của tục hèm, kiêng cấm trong trồng trọt, những dị đoan về mối liên hệ giữa tình dục con người với sự mắn đẻ và sinh sôi của vật nuôi và cây trồng đều gắn liền với tín ngưỡng phần thực. Nói đến tín ngưỡng phần thực, chúng ta đều hiểu rằng đó là nói đến tiếng vang nào đó của tín ngưỡng nông nghiệp thời cổ về mối liên hệ siêu nhiên giữa con người với đất đai, cây trồng và vật nuôi mà chủ yếu trong đó chính là *sự thông linh, ảnh hưởng của quan hệ tình dục giữa nam nữ con người với sự sinh sôi nảy nở trong tự nhiên được thể hiện bằng rất nhiều những nghi lễ hoặc những hành động ma thuật dục tình được tiến hành trong những chu kỳ nông lịch nhất định hoặc liên quan đến mùa vụ.*

Cũng như quan niệm của các nước có nền văn hoá nông nghiệp khác trên thế giới, ngay từ đầu, ở Đông Nam Á, *việc sinh sôi nảy nở của hoa màu* (mà chủ yếu là lúa gạo) để duy trì cuộc sống và việc *sinh sản của con người* để duy trì nòi giống là hai vấn đề được đặt lên hàng đầu. Người ta cũng dần nhận ra rằng hai hình thái *sinh sản* này có cùng một bản chất, cùng cần đến sự hoà hợp của hai yếu tố cha (trời - dương) và mẹ (đất - âm). Chính sự liên tưởng giữa Trời - Đất, Dương - Âm và Đực - Cái, nguồn gốc sản sinh ra con người và vạn vật của vũ trụ luôn tồn tại trong tâm thức người nông dân phương Đông là sự khái quát hoá đầu tiên đưa đến một triết lý cơ bản của người phương Đông, triết lý âm dương. Triết lý âm dương này được

chi phối trong mọi hành vi, ứng xử và hoạt động của người phương Đông, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy, trước mùa gieo cấy bao giờ người nông dân cũng thờ cúng và tái hiện việc giao hoà Âm - Dương, Đực - Cái dưới các dạng thức khác nhau để mong rằng cây cối sẽ thấy vậy mà bắt chước theo và sẽ sinh sôi nảy nở nhanh chóng.

Bên cạnh đó, trong điều kiện xã hội cổ truyền còn lạc hậu, thiếu trang thiết bị sản xuất cộng thêm những khó khăn trắc trở như hạn hán, lũ lụt và thiên tai mà thiên nhiên gây ra, những người làm nông nghiệp Đông Nam Á đành bất lực và mùa màng vì thế mà rất thất thường, nạn thiếu ăn xảy ra thường xuyên. Về hiện tượng này, Tôkarép đã viết "Nguồn gốc này chính là sự bất lực của con người trồng trọt. Cây trồng không phải bao giờ cũng được mùa, mà mùa màng phụ thuộc vào những điều kiện mà con người cần đến sự phù trợ, giúp đỡ việc trồng cây,..."<sup>(1)</sup>. Chính vì vậy, nhu cầu về việc cầu mong sự sinh sôi nảy nở của cây trồng của họ là rất lớn. Điều này dẫn tới việc tôn thờ lực lượng siêu nhiên quyết định sự sinh sôi nảy nở, từ đó xuất hiện các lễ nghi ma thuật gắn với nông nghiệp và tín ngưỡng phần thực xuất hiện.

Cũng như các dân tộc làm nông nghiệp khác trên thế giới, các dân tộc gắn với nền nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á đặc biệt coi trọng tín ngưỡng phần thực. Tín ngưỡng này đã có mặt rất sớm trong cơ tầng văn hoá Đông Nam Á cổ đại, thông qua sự liên tưởng/ tương liên giữa chính sự sinh sản (bao gồm cả cơ quan sinh sản)

của con người và sự sinh trưởng của cây cối và động vật mà nhờ đó, con người và muôn vật được bảo tồn và phát triển nòi giống. Tín ngưỡng đó tồn tại lâu dài ở Đông Nam Á, dưới hai dạng biểu hiện: thờ sinh thực khí nam và nữ (khác với Ấn Độ chỉ thờ sinh thực khí nam) và thờ cả hành vi giao phối (người và thú). Với người nông dân Đông Nam Á, cuộc sống trên hết là sự kế tiếp của các thế hệ, là sự sinh sôi nảy nở, là sự lưu truyền giống nòi. Ước vọng mãnh liệt ấy được họ thể hiện bằng những hình vẽ tượng trưng Linga và Yoni làm hình trang trí ở khắp nơi, bằng việc tạc những tượng người với bộ phận sinh dục có kích thước to khác thường, bằng các hình vẽ mô tả lại cảnh giao phối giữa một đực một cái ở mọi nơi, trong hang đá, trên các công cụ sản xuất, trên thập đồng... Có thể nói, hiện tượng thờ các hình sinh thực khí nam nữ, thờ hành vi giao phối của cả con người và động vật là một xạ ảnh, một hình ảnh luôn luôn thường trực trong đầu óc của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á, những người luôn mong ước có được sự sinh sôi nảy nở của cây trồng, có được một vụ mùa bội thu.

Việc thờ sinh thực khí ở người Đông Nam Á được biểu hiện khá phong phú tùy theo từng quốc gia, từng vùng. Cũng là thờ sinh thực khí nhưng người Việt thờ nữ - nương, thờ quả trứng đôi đũa (trong tang lễ), thờ trâu cau, thờ cây hương..., người Tày thờ búp măng và hoa chuối, người Lào, người Thái, người Campuchia thờ cột đá tự nhiên, hang động, kẽ nứt trên núi, giếng. Việc thờ cúng này còn được biểu hiện trong các lễ hội, ví dụ như người ta rước âm vật, dương vật (bun băng

phay của Lào), rước ông Đùng bà Đà, rước đàn kén, cây bông (Việt), rước đôi rối nam nữ giao hợp (ÊĐê)...

Còn trong đời sống hàng ngày, yếu tố phồn thực nhiều khi được xuất hiện một cách vô thức dưới nhiều biểu tượng trong sinh hoạt: gậy chọc lỗ, cối chày giã gạo, bánh tét bánh dày, giò chả, đôi đũa đầu tròn đầu vuông, ăn trâu cau, dao thớt...

Trong chiếc nôi chung Đông Nam Á, tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam cũng có cùng bản chất và mang đầy đủ những đặc tính, biểu hiện chung của tín ngưỡng phồn thực Đông Nam Á. Trong bài viết này, chúng tôi muốn tìm hiểu tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam trong dòng chảy chung của Đông Nam Á dưới một góc độ riêng, thông qua việc xem xét các lễ hội nông nghiệp trong vùng.

## 2. Tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam trong dòng chảy văn hoá Đông Nam Á qua các lễ hội nông nghiệp

Sự sùng bái tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam cũng như các dân tộc khác ở Đông Nam Á được thể hiện chủ yếu qua các lễ hội nông nghiệp. Là những cư dân nông nghiệp, cuộc sống của các dân tộc ở Đông Nam Á được diễn ra theo nhịp điệu của cây lúa gắn bó giữa lịch nông nghiệp với lịch lễ hội. Mỗi quan hệ ấy được gắn với đời sống tâm linh như thờ thần linh, thờ tổ tiên, nghi lễ phồn thực nhằm cầu mong cho con người được an Khang, mùa màng tươi tốt. Với những cư dân nông nghiệp lúa nước, lễ nghi nông nghiệp được diễn ra ở hầu khắp các công đoạn của việc trồng trọt và hoa màu, nhất là với canh tác nương rẫy. Họ đặt mọi ước vọng vào sự

sinh sản, sinh sôi dồi dào của cây trồng và liên tưởng nó với một lực lượng siêu nhiên nào đó, coi đó như là nguồn gốc của mọi sự sinh sản của giống loài. Vì thế, lễ hội chính là phương tiện để truyền tải ước vọng của người nông dân, là biểu tượng nhằm hiện thực hoá thế giới ý niệm về đời sống tâm linh bằng những nghi thức, những hoạt động để con người giao tiếp với thần linh.

Việc Việt Nam và các dân tộc khác ở Đông Nam Á đều sùng bái tín ngưỡng phồn thực và cùng thể hiện sự sùng bái đó qua các lễ hội nông nghiệp được xuất phát từ sự tương đồng văn hoá của Việt Nam với các nước trong khu vực. Sự tương đồng về văn hoá ở Đông Nam Á được dựa trên cơ sở kinh tế là nghề trồng trọt lúa nước vùng nhiệt đới. Từ nền tảng văn minh nông nghiệp này nảy sinh những cấu trúc xã hội làng xã và những kết cấu thượng tầng, những nghi lễ và lễ hội cổ truyền liên quan đến sản xuất nông nghiệp với những nét tương đồng cho cả Đông Nam Á, ở đó cảnh quan thiên nhiên, con người, đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội có những nét giống nhau.

Là một nước nằm trên bán đảo Đông Dương cùng chung khí hậu nhiệt đới gió mùa, là một trong những cái nôi sinh thành nền trồng trọt lúa nước ở Đông Nam Á nên văn hoá Việt Nam nói chung và lễ hội nông nghiệp Việt Nam nói riêng nhất thiết sẽ phải chịu ảnh hưởng sâu sắc của sự giao thoa văn hoá trong toàn khu vực. Qua các lễ hội nông nghiệp ở Việt Nam và ở các nước trong khu vực Đông Nam Á, chúng ta có thể nhận thấy giữa chúng có nhiều điểm tương đồng khá phổ biến.

Sự tương đồng đầu tiên là số lượng các lễ hội nông nghiệp ở những nước này chiếm tỷ lệ rất cao, hầu hết được mở theo mùa - theo chu kỳ sản xuất nông nghiệp và phản ánh khá đầy đủ cuộc sống, ước nguyện của những người nông dân. Ở Việt Nam, lễ hội nông nghiệp đậm đặc nhất là vào mùa xuân, mùa của sự sinh sôi nảy nở, mùa của những khởi đầu mới thì cũng tương tự như vậy ở các nước Đông Nam Á như Lào, Thái Lan, Campuchia... lễ hội nông nghiệp thường được mở đầu mùa gieo cấy và cuối vụ thu hoạch như hội "Khun khấu" (của Lào), hội Rakna (của Thái Lan), hội Chôl chnăm thmây (của Campuchia)...

Sự tương đồng tiếp theo là lễ hội nông nghiệp các nước này đã phản ánh cuộc sống nhà nông thông qua bốn yếu tố quan trọng Nước - Đất - Lúa - Phồn thực. Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến yếu tố phồn thực trong các lễ hội nông nghiệp.

Có thể nói tín ngưỡng phồn thực là hiện tượng khá phổ biến trong lễ hội nông nghiệp Việt Nam cũng như ở một số nước Đông Nam Á. Nó thể hiện khát vọng sinh sôi nảy nở về con người và vạn vật của nhà nông trong quá trình làm ăn sinh sống.

Ở Lào, tín ngưỡng phồn thực được biểu hiện trong các lễ hội cầu mưa, cầu nước, hội mừng năm mới (Bun pi mày). Trong ngày hội có lệ té nước vào nhau với quan niệm nước là yếu tố quan trọng đem lại sức sống cho vạn vật nên càng ướt nhiều thì càng sung sướng, càng may mắn. Có lẽ quan niệm này có nguồn gốc từ rất xưa ở châu Âu khi người ta cho rằng nước không chỉ duy nhất có giá trị tượng trưng cho cơn mưa, mà còn có cả một ý nghĩa của tinh

dịch<sup>(2)</sup>. Và khi mưa tưới cho đất, ngấm vào đất thì sự giao cấu đã hoàn tất, sự sống sẽ bắt đầu, cây cối sẽ sinh sôi nảy nở, đâm chồi nảy lộc. Theo kinh nghiệm từ xưa của người dân Lào thì sau ngày hội “Pi mày” thường có những trận mưa đầu mùa làm cho cây cỏ trở lại xanh tốt, ruộng đồng tràn ngập nước và sức sống. Chính vì thế ngay sau lễ hội này người nông dân Lào lại bắt tay vào vụ sản xuất<sup>(3)</sup>. Tương tự như vậy, trong các lễ hội ở Thái Lan, ở Campuchia, ở Mianma người ta cũng té nước vào nhau như thực hành một nghi lễ. Có thể nói “té nước” diễn ra trong ngày hội mừng năm mới chính là một yếu tố phồn thực, thể hiện sự khát vọng của con người về một cuộc sống vui tươi, mát mẻ, yên lành và no ấm.

● Yếu tố phồn thực trong các lễ hội nông nghiệp Đông Nam Á còn được thể hiện trong các hội đua thuyền khá phổ biến ở đây. Trong các ngày hội đua thuyền ở Lào, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam... người ta thấy sự kết hợp giữa tín ngưỡng cầu nước và tín ngưỡng phồn thực. Ví dụ như trong lễ hội đua thuyền ở Lào. Cùng với đội bơi hàng chục người còn có ông Nặng, ông Đô cầm cặp sinh thực khí tượng trưng làm trò trước đám đông và được mọi người hưởng ứng.

Với những người làm nông nghiệp, đất là yếu tố cực kỳ quan trọng đối với sự sống còn của người nông dân. Không có đất thì chẳng biết gieo trồng vào đâu để cho cây cối đơm hoa, kết quả cung cấp lương thực cho con người. Chính vì vậy mà các dân tộc trồng lúa trong khu vực Đông Nam Á đều có chung ý thức quý mến, tôn trọng, bảo vệ đất qua những nghi lễ, hành động

cụ thể của mình. Họ tin rằng đất như “chiếc bụng của người mẹ mang thai”. Vì thế người ta tin rằng cần phải truyền sức mạnh cho đất, cho đất sự phồn sinh để rồi đất sẽ trả ơn bằng cây cỏ và ngũ cốc. Lòng tin ấy đã đưa đến tư tưởng ma thuật về mối quan hệ giới tính của con người với sự phì nhiêu của đất đai mà ngay nay chúng ta biết được thông qua các tư liệu dân tộc học cũ. Tư tưởng ma thuật ấy chi phối khá nhiều đến công việc canh tác của người nông dân thời xưa. Trong mùa gieo hạt, các chủ đất tha thiết có những đôi trai gái yêu đương, giao phối ngay trên đất ruộng của mình và đôi khi họ phải tự làm điều đó để mong cho đất đai màu mỡ và hạt giống nảy nở. Ở Thái Lan hiện tượng này càng mạnh mẽ mà lễ hội Lenpleng ngày xưa là một ví dụ. Vào ngày hội đó, “các thợ gặt ở luôn ngoài ruộng, đêm đến giao phối với nhau ngay giữa ruộng như để truyền thẳng vào đất đai sự sinh sôi nảy nở cần thiết”<sup>(4)</sup>. Ở Việt Nam người ta cũng thờ đất, thờ Thổ thần. Làng nào ở Việt Nam cũng có miếu thờ Thổ thần và quanh các miếu ấy thường diễn ra hàng loạt các nghi lễ theo chu kỳ thời vụ sản xuất nông nghiệp như “động thổ”, “khai canh”, “thượng điền”...

Lúa là kết quả giữa nước với đất và công sức lao động của con người. Đặc biệt với nhà nông, lúa đóng vai trò quan trọng hàng đầu vì nó là sản phẩm cuối cùng trực tiếp nuôi sống con người nên người ta cũng tôn thờ lúa. Một vài tế lễ và tín ngưỡng ở Indônêxia, trên bán đảo Malaixia hay ở Thái Lan, Lào... liên quan tới “linh hồn lúa” hoặc “mẹ của lúa” cũng mang tính chất như trên. Nông dân

những nước này đối với lúa và bông lúa giống như đối xử với sinh vật, trước khi cấy lúa họ làm lễ cầu cho được mùa, khi thu hoạch nông dân phải theo những nghi lễ nhất định mà về thực chất là nghi lễ ma thuật. Chính vì vậy mà ở Campuchia có lễ hội rước lúa, ở Thái Lan có lễ hội cúng ruộng, ở Lào, Việt Nam, ở Mianma, ở Thái Lan... có lễ hội cúng cơm mới. Hay như trên những hòn đảo Java, Bali và Sombok, người ta thực hành các lễ đính hôn và lễ cưới của hai nắm gạo, được chọn trong đám cây lúa chín trước khi mở đầu vụ thu hoạch. Đôi vợ chồng mới cưới được mang về nhà và đặt vào trong vựa lúa “để cho hạt gạo có thể nhân lên gấp bội”<sup>(5)</sup>... Trong những lễ hội như thế này thì yếu tố phồn thực bao giờ cũng giữ vai trò chủ đạo bởi suy cho cùng tất cả các lễ hội đều nhằm đến một mong muốn về vụ mùa bội thu, cây cối ra hoa kết quả, con người sinh sôi nảy nở. Đó chính là mục đích cuối cùng của các lễ hội nông nghiệp cầu mùa ở các quốc gia Đông Nam Á.

Tín ngưỡng phồn thực có một vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân Đông Nam Á và cho đến nay nó vẫn được duy trì và thể hiện dưới rất nhiều dạng thức khác nhau với các hình thức thờ và trò diễn, phong tục mang tính phồn thực hết sức đa dạng. Thực hiện các trò diễn phong tục này trong một không khí dân dã nhưng không kém phần linh thiêng người ta tin rằng lễ thiêng đó sẽ tác động tốt tới mùa màng, cây trồng và vật nuôi để có được một vụ mùa bội thu. Vì thế, trong các lễ hội người ta tổ chức những cuộc thi, những trò chơi mang biểu tượng phồn thực như khi đánh trống

thùng (Lào, Việt, Thái Lan,...), ném lao, múa khiên mà kiếm, lao làm bằng nõn chuối, bia, mộc bằng mo cau (Lào, Thái Lan, Campuchia, Việt...). Đặc biệt, trong các lễ hội nông nghiệp Việt Nam, các trò chơi, trò diễn xuất hiện khá phong phú với những biểu trưng đa dạng của hình sinh thực khí. Đó là chiếc kén tầm bằng gỗ đẽo hình sinh thực khí nam và sinh thực khí nữ được xỏ vào nhau mô phỏng hành động tính giao trong đám rước sau mỗi câu hát “Cái sự làm sao, cái sự làm vậy/ Cái sự thế này, cái sự làm sao” như trong hội làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh). Đó còn là chiếc lao và tấm bia bằng gỗ trong trò thi ném lao ở hội Hiền Quan, là chiếc dùi gỗ và cái mu rùa (bằng mo cau) trong trò Trám (Phú Thọ) hay còn là chày và cối ở hội làng Nối (Hưng Yên) được mang ra giã theo nhịp câu xướng cổ truyền: “cối này là cái gì/ làm thế nào, làm thế này” và trai gái cũng nhân lúc đó đùa nghịch nhau. Đó còn là trò múa biểu trưng cho các điệu múa phỏng theo theo động tác tính giao (Tày, Dao...) như điệu múa “tùng dí” trong hội đền Hùng (Việt). Thanh niên nam nữ múa từng đôi một, mỗi người cầm trong tay những vật biểu trưng cho sinh thực khí nam và nữ, cứ mỗi khi nghe trống đánh tùng họ lại giơ hai vật đó lên rồi chọc vào nhau (dí), cứ như vậy nhiều lần. Hay trong trò chơi nõ nường ở Đức Bác (Vĩnh Phúc) khi trai cầm chày bằng gỗ vông, gái cầm chiếc mo cau vừa hỏi “cái sự làm sao?”, vừa đáp “cái sự làm vậy” và hai người đưa hai vật chọc vào nhau 3 lần.... Các hình biểu trưng sinh thực khí này còn xuất hiện trong các cuộc chơi ở lễ hội nông nghiệp Việt Nam dưới hình thức cướp dờ/cướp cây bông để

câu mùa màng và sự sinh sôi nảy nở của cây trồng, vật nuôi như trong hội Gia Thanh (Phú Thọ), hội Đồng Hương (Bắc Ninh), hội Hoa Sơn (Hà Tây)...

Đôi khi, các trò diễn, trò chơi phồn thực trong các lễ hội nông nghiệp Đông Nam Á đã trở thành một cỗ lệ manh tính trần tục như trò tấu đèn để trai gái tha hồ đùa nghịch nhau, tha hồ làm những điều mà ngày thường bị coi là “xằng bậy” (Việt), hay hội chen để nam nữ có cơ hội động chạm, sờ mó nhau (Việt), vào hang nam nữ tự do tính giao tình dục (Việt, Thái Lan), thậm chí giao hợp ngay trên ruộng lúa (Thái Lan,...). Ở nhiều nơi như Việt Nam, Campuchia, Lào thì tín ngưỡng phồn thực nhiều lúc được tiến hành một cách tế nhị, kín đáo thông qua các trò chơi trong ngày hội mừng năm mới, ngày hội được mùa như ném còn, đấu khăn, kéo co, chơi đu, hát giao duyên... Các trò chơi này giành cho tuổi trẻ, được chia làm hai phe đối ứng nhau: một bên nam, một bên nữ và bên nào thua thì sẽ phải chịu phạt cho bên thắng. Hình thức phạt cũng mang đầy tính giao duyên như đánh còn vào lưng, ôm cổ nhau công đi xung quanh hội...

### Kết luận

Như vậy, có thể thấy tín ngưỡng thờ phồn thực có một vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân Đông Nam Á xưa kia và cả trong đời sống ngày nay. Tín ngưỡng này đã tồn tại từ rất lâu và cho đến nay nó vẫn được duy trì và thể hiện dưới rất nhiều dạng thức khác nhau với các hình thức thờ và trò diễn, phong tục mang tính phồn thực hết sức đa

dạng. Có thể nói, yếu tố quan trọng nói lên niềm ước vọng về sự phồn vinh của con người cùng với vật nuôi và cây trồng đã chi phối các lễ hội ở Việt Nam và các nước Đông Nam Á, tạo nên một bản sắc lễ hội riêng của khu vực.

Tuy tín ngưỡng phồn thực ở nước ta cũng như ở khu vực Đông Nam Á, chưa có đủ điều kiện vươn lên tầm cao trở thành vũ trụ luận hay hình thành một văn hoá tính dục như ở Trung Hoa và Ấn Độ, nhưng nó lại theo bề rộng, ăn sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và đời sống cá nhân để trở thành dấu ấn vào tâm thức cả cộng đồng. Tín ngưỡng phồn thực không tồn tại như một bản sao văn hoá - tôn giáo mà biến thành một thực thể sống động thông qua các biểu tượng phồn thực trong các nghi lễ nông nghiệp cổ truyền để làm nên nét văn hoá đặc trưng, độc đáo của Việt Nam nói riêng, của cơ tầng văn hoá Đông Nam Á nói chung.

### CHÚ THÍCH

1. X.A.Tôkarep, *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, H.1994. tr.212
2. X.A.Tôcarev, *Hội lễ nông nghiệp*, Bản dịch đánh máy của thư viện Viện Nghiên cứu Văn hoá số 3507D, tr.320
3. Xem Phan Hữu Dật, *Văn hoá - lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội 1992, tr 48
4. Lê Văn Kỳ, *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, Nxb VHDT, H.2002, tr.48
5. Mircea Eliade, *Luận về lịch sử các tôn giáo*, mục 84 (bản thảo do Đoàn Văn Chúc và Đỗ Lai Thuý dịch)